

Bùi Thế Trường

(Thân tặng GS Phạm Ngọc Đảnh, Nguyễn Văn Ưu)

NGHIÊN- CỨU 2 CHỮ “ SẮC VÀ KHÔNG” TRONG 2 CÂU TRONG “KIM CANG MA HA BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA TÂM KINH”.

Về hình thức, tựa bài kinh:”Kim Cang Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh” viết bằng chữ Phạn (sanskrit or sanskrit) và chữ Hán. Chữ Hán là”Tâm-Kinh” và “Kim Cang”; còn chữ Phạn là “Ma-ha Bát Nhã ba-la-mật-đa”.

Tâm-kinh xin được hiểu là “kinh tinh yếu”, còn được gọi là kinh quan –yếu cho tâm của bộ Đại Bát Nhã gồm trên 600 quyển. Còn Ma-ha là “lớn”, Bát-nhã là” trí huệ”, phiên âm của danh từ Phạn ngữ là “Prajna”. Sở dĩ người ta dùng nguyên chữ Phạn “Bát nhã” là muốn nói đến cái giáo pháp, khó biết, khó giải, hết sức sâu kín. Kim Cang là một loại kiếm làm bằng chất thép cứng nhất và bén nhất trong vũ trụ này, khi nó dùng chém sắt thì dễ dàng như là chém bùn vậy. Kim Cang Bát Nhã là trí huệ được trang bị bằng loại kiếm sắt bén bậc nhất đó để chém đứt những phiền não, để được an-lạc.

Kim-Cang Bát –nhã ba-la-mật đa là “chỉ cái hiểu biết sáng suốt cao hơn các thứ sáng suốt khác, cái hiểu biết sáng suốt đó không có sự ô-nhiễm bởi các tướng, sắc thanh, hương vị xúc, pháp, cái hiểu biết sáng suốt được sự giải thoát đầy tự tại, đúng với thực-tướng và chân lý, nhờ thế mà được tới bờ bên kia”.

“SẮC BẤT DỊ KHÔNG, KHÔNG BẤT DỊ SẮC SẮC TỨC THỊ KHÔNG, KHÔNG TỨC THỊ SẮC”.

(Sắc chẳng khác gì Không, Không chẳng khác gì Sắc, Cái gì là Sắc, cái ấy là

Không, cái gì là Không cái ấy là Sắc”

The form does not differ from emptiness, nor does emptiness differ from form (bản dịch Anh văn của Trúc Huy)

Les formes ne sont pas différentes du vide. Le vide n’est pas différent des formes. Les formes ne sont rien d’autre que le vide. Le vide n’est rien d’autre que les formes. (bản dịch Pháp văn của Trúc Huy)

Trên đây là 2 câu trong một bài Kim Cang Bát Nhã Ba la Mật Đa Tâm Kinh Tâm Kinh. Hiểu được 2 câu này, rồi suy tư và thực hành quán chiếu sâu sắc trong một thời gian lâu, và hy vọng ít hay nhiều tùy theo căn cơ của mỗi người sẽ đạt được một sự an lạc nội tâm. Đó là một bài kinh chỉ gồm 262 chữ, tóm lược trên 600 bộ trường Đại Bát Nhã mà Đức Phật đã dạy trong 22 năm trong 49 năm thuyết pháp của Ngài. Ta chỉ nghiên cứu 2 chữ trong 8 chữ trong 2 câu kinh trên. Đó là chữ “Sắc” là “Có” và “Không” là “không”

1-“ Sắc” là “Có”. Cái gì là Có. Cái ấy là Không. Tại sao “Có” là Không? “Có” có nghĩa là “như không Có”. Mà là “Có”. Người bình thường thấy rằng “Có là Có”. Họ lại thích “Có” và sợ “Không”. Nếu mình bảo rằng”có là không” thì họ cười và cho mình là điên. Nhưng nếu, dùng một chút suy nghĩ để hiểu tại sao “Có lại là không” mà không phải là có như họ nghĩ. Bởi vì tất cả cái “Có” đều là do “DUYÊN HỢP” nương gá mà thành, nên thực tại của cái “Có” là thực tại như HUYỄN. Vì là huyễn cho nên các pháp hiện hữu đều không có “thực tánh”. Vì không có thực tánh nên nghĩ nó là hư-giã. Vì là hư giả, nên tưởng rằng không có nó trên đời mà bảo rằng không. Mà nó chính là nó. Vì muốn hiểu được thực thể như thế nào, cần phải có trực giác Bát Nhã để thấy gọi là cái thấy Bát Nhã, là cái thấy qua trí huệ, để xác quyết hư thực nơi sau các thực thể. Ngược lại, tất

cả các nỗ lực lý-luận, từ phương Tây đến phương Đông nhưng tôn giáo không phải là Phật Giáo thượng thừa có cái nhìn bị giới hạn trong nhãn quan phạm-tục, và lý-luận bị bế tắc trong phạm trù của lý trí. Còn Bát Nhã thì không bị trở ngại như trên, vì họ dùng tâm và bằng thực chứng mà thấy thế giới hư thật, và cái nhìn như thế rất là trong sáng, thông minh, không trở ngại, vô nhị, không phân biệt, và thực tại hoàn toàn hiện ra trọn vẹn.

Ví dụ như thân chúng ta, mà chúng ta tưởng rằng thân này là có thật. Vì thân này có thành được là đều do duyên sinh nương gá nhau, gồm có ngũ-uẩn như sắc, thọ, tưởng, hành và thức. Bản chất của ngũ-uẩn vốn là không có tự ngã, hay không có tự tánh cố định. Vì tất cả đều do duyên hợp, nương gá, nó không có thật tánh nên tánh của nó là không, còn gọi là không tánh hoặc tánh không. Sắc, thọ, tưởng, hành thức là tánh không. Khi duyên hợp thì thân còn, khi duyên ly tán thì thân mất. Thế nên, chúng sanh tưởng rằng thân này là thật, ngũ-uẩn này nói riêng và vạn pháp nói chung là thật, nên cố bám vào nó, vọng tưởng vào nó, mà phải triền miên đau khổ. Vì tưởng rằng vạn pháp là thật, nên luôn luôn bị dính mắc, bị ràng buộc vào cõi phân biệt, đầy nổi sầu bi, hỉ nộ, ái ố, oằn oại trong sự đảo điên, và khổ đau bất tận trong vòng sinh tử. Còn chúng sanh vì có được cái trí huệ Bát Nhã nên thấy rõ bản chất duyên sanh của các pháp là HUYỄN, nên không cầu, không còn mãi mai bận tâm về tướng, về hữu vi, về vạn pháp, về ý niệm, về có, về không.

Hiểu được phần nào ý nghĩa duyên sanh, nên tâm bớt giao động và cảm nhận sự an-lạc ít hay nhiều. Cũng để hiểu rõ hơn về “Có”. “Có” nghĩa là “Có nó mà như không có; Có không thật có. Mới là Có. Không Có vì nó là Huyễn, do duyên sinh”. Phật bảo Tu Bồ Đề: Thân tướng tức không phải là không tướng. Phạm chỗ có tướng đều là hư vọng. Nếu thấy các tướng chẳng phải

tướng tức là thấy Như Lai (Thân tướng tức phi thân tướng. Phạm sở hữu tướng giai thị hư vọng. Nhược kiến chư tướng phi tướng tắc kiến Như Lai). Vì sao? Vì tướng của Như Lai dù có 32 tướng tốt, có 80 vẻ đẹp đi nữa, thì cũng đã hoại từ lâu rồi, vì theo luật vô thường. Như vậy phạm có tướng đều là hư vọng không thật, vì các tướng đều do nhân duyên nương gá mà thành, nên nó là hư giả, và bị hoại. Nếu thấy các hình tướng đều không phải tướng là thấy Pháp thân Phật bất sanh bất diệt nơi ta, chính là thấy cái tâm an -trụ nơi ta không còn dính mắc 6 trần (sắc, thanh, hương vị, xúc, pháp) mà không vọng tưởng. Đó là thấy Như Lai. “Có” thấy tướng mà như là không thấy tướng, Không thấy Có thật tướng, thì “Mới là Có” thấy cái tâm an- trụ thanh-tịnh nơi mình, là thấy Phật hiển tiền vậy. Có đó như không có đó. Cái thân chúng ta “Có” cũng là do ngũ-uẩn duyên hợp mà thành. Ngũ- uẩn của chúng ta phải chịu sự chi phối sanh diệt từng sát na một, bởi lẽ các hữu tính và vô tính đều do trùng trùng duyên sinh nương gá mà thành, thì cũng do trùng trùng duyên sinh chia ly mà hoại mà diệt chứ đâu có mãi trường tồn. Thân này cũng chỉ là vô thường, vạn pháp cũng vô thường, nên không có thực tánh. Vả lại thường cũng không có thực tánh, và ngã lại không có thực tánh, vô ngã cũng thế thôi. Khoái lạc, khổ đau, hạnh phúc cả đều không có thực tánh, kể cả các pháp hữu vi và vô vi, từ sanh đến tử, tất cả đều là huyễn chỉ do duyên hợp tạo thành, giống như giọt sương, như giấc mộng. Kinh Phật có viết: “ Có và Không, Sanh và Tử cả hai đều không thật, chúng như huyễn.” và cũng khuyên chúng ta nên quán để mà thấy thêm:

*Nhứt thiết hữu vi pháp
Như mộng huyễn bào ảnh
Như lộ diệc như điện
Ứng tác như thị quán*

*Dịch: Tất cả các pháp hữu vi
Như mộng, huyễn, bọt, bóng*

*Như sương, cũng như điện
Nên khởi quán như vậy*

Câu chuyện "vô thường" sau đây giữa Đức Phật và A-Nan trước khi Đức Phật tịch. A-Nan bạch: "Thưa Thế Tôn, Ngài thường dạy rằng ai đã giác ngộ thì không thể mất được. Nay Thế Tôn là bậc toàn trí, toàn năng, sao lại chịu cái luật tầm thường (lúc Phật sắp tịch) như thế? Phật nghiêm nét mặt lại hỏi: "A-Nan? Người bảo cái gì mất, cái gì còn? Sao Người không nhận được cái gì chơn, cái gì giả, cái gì tồn tại? cái gì tiêu hủy? Ta đã nhiều lần dạy rằng, đã có đến thì có đi, có hiệp thì có tan, có sanh thì có diệt. A-Nan, thân ta không khác thân người. Mà thân người thì làm sao thoát khỏi luật vô thường được? Thân ta là giả hợp, cũng theo vô thường, nó cũng phải tan rã. Nay A-Nan, làm sao người thấy một lần sóng tan, người lại bảo là nước không có nữa? (theo, Ánh đạo Vàng)

2— Người bình thường ở thế gian thì lại rất sợ "Không" Không tiền, không nghề, không nhà cửa, không gia đình, không cơm nước mỗi ngày, không vợ, không chồng, không con, không bạn bè và tứ cố đều không. Tuy nhiên, người có học đạo, có nhận xét tinh tường về cõi đời vô thường, tạm bợ này thì thích bỏ hết cái "có" để tìm cái "không", bởi lẽ, họ muốn bỏ tất cả hết mọi cái có phiền toái, để tìm cái "không" nơi đó có sự an lạc, sự nhẹ nhàng cho cuộc đời hơn. Vì sao? Vì "Không" là biểu hiệu tính thanh tịnh của không gian và thời gian bao trùm khắp vũ trụ. Sống theo sự thanh tịnh như thế đó, thì con người ta không còn thấy mọi sự đau khổ và sợ hãi nữa, tức là có được sự an lạc.

"Không" ở đây xin đừng có hiểu là "trống không" và cũng đừng hiểu là không hiện hữu. Cũng đừng hiểu như là đối nghịch với "Có". "Không" không phải là bầu trời xanh, bao la không tận. "Không" cũng không phải là phá vỡ hết cái "có" để được có cái "không". "Không" cũng không phải là lấy kính hiển vi để nhìn xuyên qua gỗ và thấy có những lỗ

trống nhỏ nhỏ trong đó mà gọi là không. "Không" cũng không nên hiểu khi thấy mình nắm bàn tay lại gọi là "có" (bàn tay nắm), còn hết nắm và tay xoè gọi là "không".

"Không" xin được hiểu đúng về tu-tập và thực hành. Khi thực hiện đúng và tu-tập đúng theo lý của Bát Nhã thì ta được cái gọi là tương ứng với "Không" của Bát Nhã Ba la mật, nghĩa là có được sự hiểu biết sáng suốt đượm sự giải thoát đầy tự tại, đúng với thực-tướng và chân lý. Trong các môn tương ứng với Đại Bồ Tát về tu-tập và thực hành, tương ứng với "Không" là tối đệ nhất, là hơn tất cả các môn tương ứng khác. Như thế, sự hiểu biết và hành về "Không" là quan trọng biết dường nào.

"Không phải được hiểu là không có tự thể hay tự ngã và không có tính cố định và riêng biệt. Bởi vì các pháp tùy duyên mà sinh và hoại diệt nên không tồn tại vĩnh viễn. "Đĩ thử không nghĩa cố, Nhất thiết pháp đắc thành" (Chính vì cái nghĩa "Không" này, mà tất cả các hiện tượng được thành tựu). Kế đến, "Không" phải hiểu là "không không có". Mới là "Có". Vì bản tánh của nó vốn là "Không". Kinh Bát Nhã có viết: " Vô đắc mà đắc, vô chứng mà chứng". Cũng từ hai cái vô (hay không) đó, mà ta mới có cái "Có". Vì sao? Vì có "chứng đắc" là còn "pháp", bởi có pháp mình mới biết mình chứng đắc tức là còn "ngã"; còn ngã tức là còn "pháp" hay ngược lại. Nếu tâm mà dính vào ngã chấp thì tâm đó thành cuồng loạn, là tâm còn sanh diệt. Phá ngã chấp đi rồi, thì ta thấy cái tâm an-trụ, là chân tâm, là Như Lai, mà gọi là đắc, là chứng.

"Không lại được hiểu qua Kinh Kim Cang Bát Nhã là" xem như không" " coi như không" " coi như pha" "tĩnh bơ như không" "phớt tỉnh Ấng-lê" và cũng không cần hiểu lý do tại sao, gọi là bất tư nghì. Dù rằng vật "đó" vẫn hiện hữu trước mắt mọi người, nhưng vì mình không bận tâm vướng mắc và cũng không cho nó là quan trọng, hay ngược lại, nên vật đó được xem như là không.

Tại sao phải xem như không? Phải coi như là không? Vì mình không muốn cái tâm của mình bị nhiễm ô (vì tham, vì sắc, vì tài, vì danh vv..) hay nói một cách dễ hiểu hơn là mình muốn giữ “cái đạo đức” của mình luôn luôn được trong sạch, không chút bợn nhơ vì bị tác động của vật chất hảo huyền.

Ví dụ về vua Lương Võ Đế, bên Tàu. Ông là một vị vua rất sùng Đạo Phật. Chính Ngài cho thiết lập rất nhiều chùa chiền trong nước. Ngài đào tạo nhiều tăng sĩ cho Phật Giáo. Có nhiều lần, Ngài cho triệu tập các tăng sĩ trong nước, và quần thần vào triều để Ngài thuyết pháp về Kinh Phật. Ngài cũng rất trọng những bậc Cao Tăng, Đạo sĩ Phật Giáo trong và ngoài nước. Khi nghe tin Bồ Đề Đạt Ma, một danh tăng người Ấn đến viếng nước Ngài, Ngài liền mời vị Đạt Ma tới cung điện hoàng gia. Vị Đạt Ma được hàng ngàn người tăng lữ và quần thần chào đón rất long trọng. Họ im lặng chờ đợi sự truyền giáo của Ngài. Vua Võ Đế và Vị Đạt Ma bàn luận rất lâu và rất nhiều điều về Phật pháp, có vẻ tâm đắc lắm. Bỗng dưng, nhà Vua hỏi Vị Đạt Ma một câu. ‘Trẫm đã xây hàng ngàn chùa trong nước, in hàng ngàn tấn sách và kinh Phật, đào tạo hàng ngàn tăng sĩ trong nước, như vậy Trẫm có được công đức gì chăng?’. Vị Đạt Ma thường đối đáp rất ngắn, nhưng đầy xúc tích, và rất sâu sắc, nên Ngài đáp : ‘Không’. Nhà vua nghe “không”, có vẻ buồn vì công sức mình bỏ ra bỗng trở thành vô nghĩa, rồi đâm ra hơi lạnh nhạt với Vị Đạt Ma. Sau đó, Vị Đạt Ma phải vượt qua sông Trường Giang để lên phía Bắc Trung Quốc mà trụ tại chùa Tiểu Lâm tự. Vì sao nhà Vua lạnh nhạt? Cái chữ “không” của Vị Đạt Ma nói, có nghĩa là vua nên coi như không, xem như không, coi như pha, có mà không không có mới là có, vì tất cả chùa chiền mà nhà Vua xây dựng đều hiện hữu trước mắt, nhưng dừng vì nó mà sinh ra cao ngạo, kiêu mạng, kiêu căng, tự tôn, tự đại gây ảnh hưởng không tốt đến giá trị đạo đức của mình, che lấp mờ đi tâm thanh tịnh vốn có

của mình, làm ngã chấp của mình lớn thêm ra. Vì chưa hiểu tốt nghĩa “Không”, nên tâm nhà Vua còn nhiều “Ngã Chấp”. Vì thế, ai mà hành được và hiểu được thấu đáo chữ “Không” hoặc “Xem như Không” như thế thì kẻ ấy mới đạt được ít hay nhiều sự an lạc cao đẹp của nội tâm.

“Không” lại cũng được hiểu qua Kinh Kim Cang qua hai chữ là “thế à” mà nội dung nói lên “ một sự tỉnh bơ, coi như không”, không bận tâm vướng mắc”, “ không đôi co, cãi vã, thanh minh hay phân trần phải quấy, thật hư”, “xem mọi việc như không có việc gì xảy ra”, “ tâm bình như biển Thái bình Dương vào tháng ba (gọi là bà già đi biển), không một gợn sóng”. Câu chuyện về thiền sư Hakuin trong sách Shaseki Shu như sau: Gần nơi chùa của Hakuin là một tiệm bán thực phẩm, mà ông bà chủ tiệm có một cô con gái duy nhất lại rất trẻ đẹp. Cô gái ấy lại chữa hoạn. Ông bà chủ tiệm nổi giận và cố gạn hỏi đứa con gái đến cả tuần để tìm ra tác giả. Cuối cùng, cô gái chỉ tác giả chính là Hakuin. Liền sau đó, Ông bà chủ tiệm quá phẫn nộ, nên qua chùa để sĩ và và thoá mạ Hakuin. Nghe Ông bà nguyên rủa, thoá mạ và làm ồn ào náo động cả chùa và cả xóm, nhưng nhà sư vẫn bình tĩnh, im lặng, ôn tồn trả lời chỉ có hai tiếng “Thế à”. Sau khi đứa bé sinh ra, gia đình mang đứa bé trao cho nhà sư. Nhà sư cũng nói “ Thế à” rồi nhận và ẵm đứa bé vào lòng. Dù bị mất hết danh dự, và bị phật tử xa lánh, nhưng nhà sư một mực thương yêu và nuôi nấng đứa bé với tất cả tâm từ. Sau ba bốn năm được nuôi dưỡng bằng tâm từ của nhà sư, đứa bé mau lớn, khỏe mạnh, đẹp và lại thông minh. Mẹ ruột của đứa bé, khi nhìn thấy con mình như thế, lương tâm cô bị dày vò ngày tháng vì đã vu khống làm mất cả danh dự nhà sư và vì thương nhớ con, nên lại thú nhận với cha mẹ cô là cha của đứa bé chính là anh bán thịt ở chợ. Lập tức, cha mẹ cô gái đến tạ lỗi nhà sư và xin đứa bé về. Sau một lúc nghe giải bài, Hakuin nói “ Thế à” và ưng thuận trao

đưa bé lại cho Ông bà. Thế là mọi việc đều xong. Từ đầu chuyện cho đến kết thúc, diễn ra trong khoảng thời gian rất dài, mặc dù mất cả danh dự, và bị mọi người xa lánh, nhà sư Hakuin chỉ cần phát biểu vắn vắn có 3 chữ mà thôi: đó là “Thế à”. Vì sao? Vì nhà sư Hakuin không chấp, không chấp ngã, chấp nhưn, chấp tướng, chấp chúng sanh.. Nhà sư bỏ tất cả. Các Pháp còn phải bỏ huống chi là Phi pháp! “Không” là “Thế à”.

Cũng xin được nhắc lại “Không” dưới cái nhìn của Bát Nhã thì cũng còn phải được hiểu như là sự phủ định. Chính cái không cũng phải bị phủ định một cách tuyệt đối, là một sự phủ nhận của chấp trước, của ý kiến trước, được gọi là “KHÔNG KHÔNG” hay “CHẤP KHÔNG”. Vì nếu còn giữ lại chỗ chấp, là còn có chỗ sai biệt, là còn thủ đắc thì đó là nguồn gốc của mọi sự khổ đau.

Nếu nhìn trên phương diện không gian, vạn pháp kết hợp và hình thành trong những điều kiện thích hợp vì bởi do duyên sinh, nương gá nhau, nên ta gọi nó là “Không có tự tánh”. Về phương diện thời gian, vạn pháp sanh sanh, diệt diệt, diệt diệt sanh sanh một cách bất tận, nên gọi là “Vô thường”. Vì thế cho nên, tất cả vạn pháp như một tuồng ảo -hoá ở thế gian này. Người không có hoặc kém trí huệ, tưởng rằng nó là thật. Tất cả chỉ là như bong bóng trời mưa, như bè bọt (Trời mưa bong bóng bập bồng, Mẹ đi lấy chồng con ở với ai?), như giọt sương mai, như sương mù, như mây khói, rất mong manh, rất phù du, khác gì mộng mị, hay ảo ảnh, không có thật hoàn toàn theo giác quan. Nhà cửa, ruộng vườn, xe cộ, công danh, địa vị và mọi thứ vật chất tất cả cũng do duyên hợp mà thành, nên nó không thoát khỏi vòng vô thường sanh, hoại và diệt. Vì thế cho nên, bằng cái nhìn trí huệ sâu thẳm vào bản chất của mọi thực tại, vạn pháp chỉ là ảo ảnh, thì tâm không còn nuôi tiếc gìn giữ, ôm chặc những vướng mắc để được bình thân bước vào cửa “Không Tự Tánh” Vì không tự tánh,

vì vô thường nên các pháp được coi là không tánh. Vì không tánh nên các pháp do các duyên hợp, và sinh khởi nên không thực. Vì không thực nên các pháp đều là như huyễn, như mộng. Vì là huyễn, là mộng, được coi là không, nên vạn vật sinh khởi do duyên hợp nương gá vốn bản chất phát xuất từ không, nên dù có phát triển tồn tại trong giây phút cho đến hoại diệt, mọi hiện tượng đều không có tính chất đồng nhất.

Vì vậy “ Nhất thiết pháp không”. Tuy là không , nhưng lại có tất cả các pháp. Xa rộng hơn, “Không” được dùng như là một biện chứng để khai thông tất cả các con đường nhận thức để đi vào các thực thể thực tại, mà không bị những trói buộc bởi ngôn ngữ và khái niệm. “Không” được hiểu như là “Hố Thẳm của Không Tánh”. Ngôn ngữ không đủ sức diễn tả các pháp, muốn hiểu được các pháp phải cần vượt qua “Hố thẳm Không Tánh” gọi là “ĐÁO BỈ NGẠN” có nghĩa là “đến bờ bên kia”. “Ba-la-mật-đa là “ tới bến bờ bên kia” do phiên âm từ chữ Phạn là “Parimita”. Khi hoàn thành rốt ráo một mục đích nào, người Ấn vui mừng la hò”Parimita” nghĩa là “tới rồi”. “Tới bờ bên kia” là bờ bên này là thế gian, bờ bên kia là Niết bàn (Thử ngạn thị thế gian, bỉ-ngạn thị Niết bàn)”.

“ Không” cũng không được hiểu qua bất cứ một danh từ nào. Còn các pháp đều do nhân duyên hoà hợp mà thành, nên danh tự chỉ các pháp đó là giả danh để gọi mà thôi, nên thực hành Ba la mật thì chẳng thấy bất cứ danh tự nào, vì chẳng thấy nên chẳng chấp trước (theo Kinh Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật).

“Không” cần được vượt qua được “Hố Thẳm của không tánh”, nếu không thì tinh thần “nhị nguyên còn nguyên vẹn, là tinh thần so sánh và đối đãi, nghĩa là nếu khái niệm hoặc chân lý nào cần bị đánh đổ, để thay thế một cái khác, thật ra cái được thay

thế cũng chỉ là một khái niệm không hơn và nhiều khi tệ hơn cái trước. Nếu ý-nghĩ, hoặc tư-tưởng của bất cứ chủ thuyết nào mà cho rằng sẽ “qua được bến bờ bên kia” của họ được thành-tự và tốt hơn cái trước, thì đó cũng chỉ là một chủ thuyết, một khái niệm, không hơn hoặc tệ hơn cái chủ thuyết và khái niệm trước nó. Tất cả các danh-từ ở trên, theo Kinh Kim Cang Bát Nhã thì chỉ là những thứ giả danh để mà gọi thôi. vì giả danh nên nó không tránh khỏi những đối trá.

Bởi thế cho nên, cần có cái hiểu biết sáng suốt và rốt ráo của Ba la mật là nhìn vạn pháp bằng một sự bình đẳng, không hề có cái nào tốt hay xấu, không có sự so sánh hợp hay không hợp, không có cái tâm phân biệt, về màu da, tôn giáo, chủng tộc, quá khứ, hiện tại hay vị lai, không có cái gọi là màu sắc, cũng không có cái kích thước, trọng lượng nặng hay nhẹ, hình dáng vuôn hay tròn, dài hay ngắn, vì bản thể của vạn pháp đều cùng chung một bản thể. Bản thể đó được kết hợp từ “VÔ NGÃ” mà thành, từ DUYÊN SANH mà hợp hay ly.

“Không” lại không ngừng ở những lý luận trên, mà còn đi xa hơn. Trước hết ý nghĩa về sự hợp của “Không”: với không, với vô tướng và với vô tác. Sự “không hợp” của không sẽ “có cái gọi là tương ứng Bát Nhã ba la mật”. “Không” chẳng hợp với không, vô tướng chẳng hợp với vô tướng, vô tác chẳng hợp với vô tác. Tại sao vậy? Vì không, vô tướng, vô tác chẳng có hợp với chẳng hợp. Hiểu đúng và tập đúng sự hiệp của không như vậy thì mình có được cái gọi là tương ứng với Bát Nhã Ba la mật. (Kinh Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật).

Chẳng có hợp (hiệp) hay chẳng cho là có hợp (hiệp) với sắc, thọ, tưởng, hành, thức chẳng hiệp với tiền tế hay chẳng hiệp với hậu tế, chẳng hiệp với hiện tại. Tại sao vậy? Vì chẳng có thấy tiền tế, chẳng có

thấy hậu tế, chẳng có thấy hiện tại. Vì tam tế là ba danh từ rỗng không: Tiền tế chẳng hiệp với hậu tế. Hậu tế chẳng hiệp với tiền tế, Hiện tại chẳng hợp với tiền tế, với hậu tế. Tiền tế với Hậu tế cũng chẳng hiệp với hiện tại. Đời quá khứ, đời vị lai, và đời hiện tại cũng chẳng có hiệp với nhau, vì cả ba đời đều chẳng thấy hướng chi là hiệp. Còn sắc, thọ, tưởng, hành, thức chẳng có thể thấy, vì nhãn đến ý, chẳng có thể thấy, vì sắc đến thọ chẳng có thể thấy, chẳng có thể thấy thọ với tưởng, chẳng có thể thấy tưởng hiệp với hành, chẳng có thể thấy hành hiệp với thức. Hiểu đúng và tập đúng như vậy gọi là tương ứng với Bát Nhã Ba la mật nghĩa là đạt được một sự hiểu biết sáng suốt và rốt ráo (Kinh Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật)

Về tu tập và thực hành “không” ta sẽ có một cái gọi là tương ứng Bát Nhã ba la mật. Khi tu tập và thực hành Bát Nhã Ba la mật, tức là chẳng nghĩ sắc là hữu hay vô, chẳng tu tập sắc là hữu thường hay vô thường, là khổ hay lạc, là ngã hay phi ngã, là tịch diệt hay chẳng phải tịch diệt, là rỗng không hay là chẳng phải rỗng không, là hữu tướng hay là vô tướng, là hữu tác hay vô tác; thọ, tưởng hành, thức cũng như vậy. Hiểu đúng và tập đúng như vậy gọi là tương ứng với Bát Nhã Ba la mật nghĩa là nhận được một sự hiểu biết sáng suốt và rốt ráo tương ứng (Kinh Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật)

Về quan niệm hành của “không” khi thực hành Bát Nhã Ba la mật, thì chẳng có quan niệm thực hành hay chẳng thực hành Bát Nhã Ba la Mật, mà cũng không có quan niệm chẳng phải thực hành cùng không phải chẳng thực hành. Khi thực hành Bát Nhã Ba la mật cũng chẳng phải vì Bát nhã ba la mật, cũng chẳng vì nội không, ngoại không, nội ngoại không, không không, đại không, đệ nhất nghĩa không, hữu vi không, vô vi không, tất cánh không, vô tử không, tánh không, chư pháp không, tự tướng không, bất khả đắc không, vô pháp không,

hữu pháp không, vô pháp hữu pháp đều không. Hiểu đúng và tập đúng như vậy gọi là tương ứng với Bát Nhã Ba la mật nghĩa là có được một sự hiểu biết sáng suốt và rõ ràng tương ứng (Kinh Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật)

Khi thực hành Bát Nhã Ba la mật, chẳng nên nghĩ rằng có pháp này với pháp này hiệp hay chẳng hiệp nhau, hoặc bằng hay chẳng bằng nhau, chẳng nghĩ rằng ta sẽ chóng được hoặc chẳng được pháp tánh, và chẳng thấy pháp nào ra ngoài pháp tánh, chẳng nghĩ rằng pháp này có thể được hay chẳng được pháp tánh. Vả lại, pháp tánh chẳng hiệp với không, không chẳng hiệp với pháp tánh. Còn nhân giới chẳng hiệp với không, không chẳng hiệp với nhân giới, sắc giới chẳng hiệp với không, không chẳng hiệp với sắc giới, nhãn thức chẳng hiệp với không, không chẳng hiệp với nhãn thức giới, cả đến ý thức giới, pháp giới và ý thức giới chẳng hiệp với không, không cũng chẳng hiệp với ý thức giới, pháp giới và ý thức giới. Hiểu đúng và tập đúng như vậy gọi là tương ứng với Bát Nhã Ba la mật nghĩa là có được một sự hiểu biết sáng suốt và rõ ràng (Kinh Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật).

3. Từ những giải thích “Có” và “Không” ở trên, theo cái nhìn của Bát Nhã Ba la mật, để giải phương- trình : “ Sắc bất dị không, không bất dị sắc”. Sắc uẩn trong ngũ uẩn là do duyên sinh kết hợp mà thành hai chuẩn loại hữu tình và vô tình. Hữu tình là người như chúng ta. Vô tình là cây cỏ. Ngay chính bản thân ta, dưới cái nhìn của Bát Nhã thì thân thể này đều do duyên hợp nương gá mà thành, nên nó không có cái tư ngã, và trường tồn. Bản tánh của nó vốn là từ cái không hay gọi là tánh không hoặc không tánh. Vì thế “ trong sắc không, chẳng có sắc, nghĩa là trong cái thân này hay cái sắc này, không có cái gọi là sắc, vì cái sắc này vốn bản-tánh của nó là không, cũng đều do duyên hợp nương gá mà thành. Sắc là không. Nên, sắc chính là không. Lý luận ngược lại, nên không chính là sắc. Cùng lý

luận tương tự cho những cái còn lại.” trong sắc không chẳng có sắc, trong thọ không có thọ, tưởng không có tưởng, hành không có hành, thức lại không có thọ, tưởng, hành, thức. Tại sao? Vì sắc rỗng không, nên không có tướng nào hoại, vì thọ rỗng không nên không có tướng thọ, vì tưởng rỗng không nên không có tướng biết, vì hành rỗng không nên không có tướng tác giả, vì thức rỗng không nên không có tướng tri giác. Vì sao vậy? *Vì chẳng phải sắc khác với không, chẳng phải không khác với sắc, mà sắc chính là không, và không chính là sắc; thọ, tưởng, hành thức chính là không và không chính là thọ tưởng, hành, thức* (Kinh Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật).

**“SẮC BẤT DỊ KHÔNG, KHÔNG BẤT DỊ SẮC
SẮC TỨC THỊ KHÔNG, KHÔNG TỨC THỊ SẮC”.**

(Sắc chẳng khác gì Không, Không chẳng khác gì Sắc, Cái gì là Sắc, cái ấy là Không, cái gì là Không cái ấy là Sắc”

Thêm nữa, “ Tướng rỗng không của các pháp vốn chẳng sanh, chẳng diệt, chẳng cấu, chẳng tịnh, chẳng tăng, chẳng giảm, chẳng phải quá khứ, chẳng phải vị lai, chẳng phải hiện tại, vì thế cho nên trong không pháp ấy pháp ấy không có sắc, thọ, tưởng, hành, thức, không có nhãn, tử, thiệt, thân, ý, không có sắc, tinh, hương, vị, xúc, pháp, không có nhân giới dẫn đến không có ý thức giới, không có vô minh cũng không có vô minh tận, cho đến không có lão tử, cũng không có lão tử tận, không có khổ tập, diệt, đạo, không có trí cũng không có đắc, không có các quả chứng đắc” (theo Kinh Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật).

Đức Phật có dạy:

*Chúng duyên sở sanh pháp,
Ngã thuyết tức thị không,
Diệt vi thị giả danh,
Diệt thị trung Đạo Nghĩa*

Dịch

(Những gì do nhân duyên

khởi lên,
Những thuyết đó được gọi
là không,
Cũng gọi là giả danh,
Cũng gọi là trung Đạo)

“Không” cũng được hiểu như là phá chấp thực tại, không gian bao la, không đối cực, không tất cả, rốt ráo tất cả, phá chấp các chân lý cứu cánh, các nội hay ngoại tại của con người, không cho có những hữu vi và vô vi, không một cách tuyệt đối cho tất cả các pháp, không có tự ngã bên trong các vật thể, cũng không có các sở đắc hoặc bất sở đắc, không tự thể, tự tánh, vô tánh và tự tồn cũng đều là không. Tất cả chỉ là không.

4-Thêm nữa, “Không” còn được hiểu và đồng nghĩa với “VÔ NGÃ” tức là “không có NGÃ hay không có NGÃ SỞ”. Nhưng “Không” cũng không bao giờ phủ nhận mọi hiện tượng tâm, sinh lý, hay mọi giả tướng duyên hợp trong mọi hiện tượng. Không “không có nghĩa là phá hoại tất cả các pháp ở thế gian, mà chỉ rõ rằng thực tánh của các pháp là do duyên sanh để phá trừ những vọng chấp. Cần vượt qua ngoài chuỗi khổ chấp và khổ đau (*viễn ly và vô chấp*) là đạt tới phần nào về sự an lạc.

Dĩ thử không nghĩa cố
Nhất thiết pháp đắc thành
(Chính nhờ cái không đó, mà các pháp được thành tựu)

5- . Tóm lại, sắc (vật chất) chẳng khác không, mà không chẳng khác sắc (vật chất) Sắc (vật chất) là không, không là sắc (vật chất). Hiểu và suy tư thấy được như thế là ta thấy được tánh duyên sanh của vạn pháp. Vì vạn pháp duyên sanh mà có nên không được gọi là phải có, hoặc là thật có, mà gọi là có thể thôi. Trái lại, vì duyên chia ly đến hoại diệt, nó trở thành không mà không được gọi là không có, mà cũng không bảo nó hoàn toàn không. Thực là đại phúc cho những ai khi hiểu và thấy “có là

không, và không lại là có”. (Sắc chẳng khác gì Không, Không chẳng khác gì Sắc, Cái gì là Sắc, cái ấy là Không, cái gì là Không cái ấy là Sắc”). Đức Phật đã bỏ ra 22 năm để thuyết pháp về Bát Nhã Ba La Mật trong 49 năm thuyết pháp của Ngài, và không biết bao nhiêu ngàn tấn giấy để ghi và lập lại một điều của Ngài muốn nhắc nhở cho nhân loại là muốn có cái tâm an lạc thì nên tư duy vạn pháp vốn là không, tất cả đều do duyên mà nên, tức là hiểu được “Có tức là không”, và ngược lại “không tức là có”. Thế nên vạn pháp được gọi là giai không. Vì là giai không nên vô thường chi phối: thành, trụ, hoại, diệt đối với vũ trụ, và sanh, bệnh, lão, đối với con người. Người hiểu đạo hiểu như thế, sẽ cảm thấy một sự an-nhiên đầy tự tại trước sự thăng trầm của cuộc đời: lúc có, khi không; lúc lên, khi xuống; lúc vinh, khi nhục; lúc được, khi mất; lúc ăn, khi thua, lúc hạnh phúc, khi cô quạnh; lúc khóc, khi cười vv. Không “cũng không dừng lại ở đó. “Không” phải được nhìn bằng nội tâm và đạt bằng thân chứng, bằng hiểu được tánh không, bằng hành thâm về tánh không, và bằng hòa nhập vào TÁNH KHÔNG. Cho đến khi nào KHÔNG TÁNH BỪNG VỞ, và thực hành rốt ráo “không” như vậy có thể phát sanh Đại từ, Đại bi, chẳng sanh tâm xan lẫn, phạm giới, sân hận, giải đãi, tán loạn, vô trí. Có nghĩa là ta được cái gọi là tương đương Bát Nhã Ba La Mật “là từ bờ bên kia rồi” là “Parimita” hay “ĐÁO BỈ NGẠN”.

Viết xong ngày 04/5/04 tại Greenacre NSW .

Bùi Thế Trường

(Email: buitruong99@hotmail.com)